BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN THI

Năm Học : 2011 - 2012 **Lớp Học** : 34KT1

Học Kỳ : 2 **Môn Học** : Kiểm toán

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
1	344201000	Đào Kim	Ân	8						7						6			7.3	6.7			
2	344201000	Mai Thị	Âu	7						7						7			7.0	7.0			
3	344201000	Thái Thị Ngọc	Ánh	6						4						5	1		4.7	4.9	2.9		
4	324000014	Dương Thị Thúy	An	7						6						0	0		6.3	3.2	3.2		
5	344201000	Hoàng Thị	Chung	9						9						9			9.0	9.0			
6	344201000	Đoàn Thế	Danh	7						8						6			7.7	6.9			
7	344201000	Trương Thị	Diễm	7						6						4			6.3	5.2			
8	344201000	Lê Văn	Diện													1	0		0.0	0.5	0.0		
9	344201000	Nguyễn Thị	Dương	5						6						6			5.7	5.9			
10	344201007	Lương Tắc	Đại	6						6						4			6.0	5.0			
11	344201001	Lê Văn	Đạt	6						6						6			6.0	6.0			
12	344201001	Lương Thị	Hằng	8						7						7			7.3	7.2			
13	344201001	Hồ Thị	Hoa	5						5						6			5.0	5.5			
14	334000003	Ngô Thị	Hoài	7						6						6			6.3	6.2			
15	344201002	Phùng Thị	Hoàn	5						6						3	4		5.7	4.4	4.9		
16	344201002	Mai Thị	Hòa	4						7						0			6.0	3.0			**Học lại**
17	344201002	Lê Thị Thanh	Hương	8						7						4			7.3	5.7			
18	334000003	Lê Thị Ngọc	Khánh	5						4						5	2		4.3	4.7	3.2		
19	344201002	Trần Thị	Lài	5						5						5			5.0	5.0			**Học lại**

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
20	334000004	Đặng Thúy	Liễu	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
21	344201002	Đặng Thị	Linh	7						7						4			7.0	5.5			
22	344201003	Lê Văn	Lợi	6						6						5			6.0	5.5			
23	334000005	Đỗ Thị	Nguyệt	6						6						5			6.0	5.5			
24	344201003	Đặng Quý	Nhâm	6						6						3	4		6.0	4.5	5.0		
25	334000005	Lê Thùy	Như	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
26	344201003	Nguyễn Ngọc	Như	7						6						5			6.3	5.7			
27	334000005	Hồ Thị	Oanh	3						7						5			5.7	5.4			**Học lại**
28	344201004	Lê Thị	Quyên	7						7						5			7.0	6.0			
29	344201004	Phan Thị Ngọc	Quyền	8						7						8			7.3	7.7			**Học lại**
30	344201005	Nguyễn Thu	Thanh	9						7						7			7.7	7.4			**Học lại**
31	344201005	Lê Thị	Thắm	6						7						7			6.7	6.9			
32	344201005	Đoàn Thị Ngọc	Thảo	7						7						6			7.0	6.5			
33	344201005	Trần Thị	Thảo	7						7						5			7.0	6.0			**Học lại**
34	344201005	Nguyễn Thị	Thơm	8						7						8			7.3	7.7			
35	334000007	Võ Thị	Thương	7						7						3			7.0	5.0			**Học lại**
36	313KT0039	Lê Quang Nhựt	Tiến	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
37	334000007	Nguyễn Minh	Trang	0						0						0	0		0.0	0.0	0.0		
38	344201006	Phan Bích	Trâm	7						7						7			7.0	7.0			
39	334000007	Trần Ngọc Bảo	Trân	5						6						5			5.7	5.4			
40	344201006	Nguyễn Tú	Trinh	5						5						6			5.0	5.5			
41	344201006	Võ Thị	Tuyết	7						6						5			6.3	5.7			
42	344201006	Nguyễn Mạnh	Tú	6						6						2	4		6.0	4.0	5.0		
43	344201006	Hà Thị Hồng	Vân	6						7						7			6.7	6.9			
44	344201007	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	5						6						4	3		5.7	4.9	4.4		

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN		HỆ SỐ 1						HỆ SỐ 2						ĐIỂM THI			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3	4	5	6	L1	L2	L3		L1	L2	L3	
45	344201007	Trương Thị Mộng	Yến	8						7						2	4		7.3	4.7	5.7		
46	344201007	Võ Như	Ý	7						6						2	5		6.3	4.2	5.7		

Tổng số: 46 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	1	2.17
Giỏi	0	0.00
Khá	6	13.04

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	19	41.30
Không đạt	11	23.91
Miễn thi	0.00	0.00

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	9	19.57

Tp. HCM, ngày .... tháng .... năm .....

Trưởng Khoa **Giáo viên bộ môn** **Giáo Vụ Khoa**